

Phụ lục số 01: Bảng giá đất nông nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 162/2010/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Loại đất	Mức giá (đ/m ²)	
	Vị trí 1	Vị trí 2
1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản	50,000	33,400
2. Đất rừng sản xuất	22,000	

Ghi chú:

- Vị trí 1: Đất nông nghiệp trong phạm vi địa giới các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh (trừ phần diện tích đất nông nghiệp thuộc vị trí 2).
- Vị trí 2: Đất nông nghiệp tại các khu vực ven sông ở ngoài đê (bao gồm cả đê bồi); đất bãi bồi trên sông.
- Bảng giá đất này quy định áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh (bao gồm cả khu vực giáp ranh).